

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TU MƠ RÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND xã Tu Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

| TT         | Nguồn vốn                                                                                                    | Kế hoạch vốn năm 2026 | Kết quả giải ngân | Tỷ lệ giải ngân | Ghi chú |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------|---------|
|            | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                             | <b>7.701,12</b>       | <b>2.326</b>      | <b>30,21</b>    |         |
| <b>I</b>   | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>                                                    | <b>2.536,06</b>       | <b>2.313</b>      | <b>91,21</b>    |         |
| 1          | Vốn đầu tư công                                                                                              | 2.536,06              | 2.313             | 91,21           |         |
| 2          | Kinh phí thường xuyên                                                                                        | 0,00                  | 0                 | 0,00            |         |
| <b>II</b>  | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>                                                 | <b>113,26</b>         | <b>0</b>          | <b>0,00</b>     |         |
| 1          | Vốn đầu tư công                                                                                              | 48,57                 | 0                 | 0,00            |         |
| 2          | Kinh phí thường xuyên                                                                                        | 64,69                 | 0                 | 0,00            |         |
| <b>III</b> | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b> | <b>5.051,80</b>       | <b>13</b>         | <b>0,26</b>     |         |
| 1          | Vốn đầu tư công                                                                                              | 786,70                | 13                | 1,65            |         |
| 2          | Kinh phí thường xuyên                                                                                        | 4.265,10              | 0                 | 0,00            |         |

**XÃ TU MƠ RÔNG**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND xã Tu Mơ Rông)

| TT        | Công trình/Dự án/Tên Chương trình MTQG                                                                                                                                            | Kế hoạch vốn năm 2026 |                       |          |      |                                    |          |      | Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm 2026 |       |                       |                 |         |          |                                    |                 |   |       | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------|------|------------------------------------|----------|------|----------------------------------------|-------|-----------------------|-----------------|---------|----------|------------------------------------|-----------------|---|-------|---------|
|           |                                                                                                                                                                                   | Tổng số               | Kế hoạch vốn năm 2026 |          |      | Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2026 |          |      | Tổng số                                | Tỷ lệ | Kế hoạch vốn năm 2026 |                 |         |          | Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2026 |                 |   |       |         |
|           |                                                                                                                                                                                   |                       | Tổng số               | Trong đó |      | Tổng số                            | Trong đó |      |                                        |       | Tổng số               | Tỷ lệ giải ngân | Tổng số | Trong đó |                                    | Tỷ lệ giải ngân |   |       |         |
|           |                                                                                                                                                                                   |                       |                       | NSTW     | NSDP |                                    | NSTW     | NSDP |                                        |       |                       |                 |         | NSTW     | NSDP                               |                 |   |       |         |
| TỔNG CỘNG |                                                                                                                                                                                   | 3.371,33              | -                     | -        | -    | 3.371,33                           | 3.371,33 | -    | 2.326,20                               | 69,00 | -                     | -               | -       |          | 2.326,20                           | 2.326,20        | - | 69,00 |         |
| I         | Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững                                                                                                                                | 2.536,06              | -                     | -        | -    | 2.536,06                           | 2.536,06 | -    | 2.313,24                               |       | -                     | -               | -       |          | 2.313,24                           | 2.313,24        | - | 91,21 |         |
| 1         | Cầu qua suối Đắk Ter                                                                                                                                                              | 1.367,92              | -                     |          |      | 1.367,92                           | 1.367,92 |      | 1.227,39                               |       | -                     |                 |         |          | 1.227,39                           | 1.227,39        |   |       |         |
| 2         | 8003893-Quảng trường kết hợp Khu thể thao xã Đắk Hà                                                                                                                               | 1.168,14              | -                     |          |      | 1.168,14                           | 1.168,14 |      | 1.085,84                               |       | -                     |                 |         |          | 1.085,84                           | 1.085,84        |   |       |         |
| II        | Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới                                                                                                                             | 48,57                 | -                     | -        | -    | 48,57                              | 48,57    | -    | -                                      |       | -                     | -               | -       |          | -                                  |                 |   | -     |         |
| 1         | Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng được liệu và các loại cây trồng khác xã Đắk hà (Điểm số 1)                                                                                     | 19,43                 | -                     |          |      | 19,43                              | 19,43    |      | -                                      |       | -                     |                 |         |          | -                                  |                 |   |       |         |
| 2         | Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng được liệu và các loại cây trồng khác xã Đắk hà (Điểm số 2)                                                                                     | 27,17                 | -                     |          |      | 27,17                              | 27,17    |      | -                                      |       | -                     |                 |         |          | -                                  |                 |   |       |         |
| 3         | Hệ thống điện chiếu sáng nhóm 6 thôn Mô Pá xã Đắk Hà                                                                                                                              | 1,98                  | -                     |          |      | 1,98                               | 1,98     |      | -                                      |       | -                     |                 |         |          | -                                  |                 |   |       |         |
| III       | Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi                                                                             | 786,70                | -                     | -        | -    | 786,70                             | 786,70   | -    | 12,96                                  | 1,65  | -                     | -               | -       |          | 12,96                              | 12,96           |   | 1,65  |         |
| 1         | Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết                                                                                                         | 129,66                | -                     | -        | -    | 129,66                             | 129,66   | -    | -                                      |       | -                     | -               | -       |          | -                                  | -               |   |       |         |
| -         | Sắp xếp bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đắk Hà huyện Tu Mơ Rông                                                                                                     | 129,66                | -                     |          |      | 129,66                             | 129,66   |      |                                        |       |                       |                 |         |          |                                    |                 |   |       |         |
| 2         | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (TDA1) | 557,38                | -                     | -        | -    | 557,38                             | 557,38   | -    | -                                      |       | -                     | -               | -       |          | -                                  | -               |   |       |         |

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TU MƠ RÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tu Mơ Rông)

Đvt: Triệu đồng

| STT      | Nội dung / Nguồn kinh phí                                                            | Kế hoạch vốn năm 2026 | Kết quả giải ngân | Tỷ lệ | Ghi chú                                                                                                                       |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          | <b>TỔNG</b>                                                                          | <b>4.329,79</b>       | -                 | -     | Đang triển khai<br>nộp hồ sơ đánh giá lại<br>các SP OCOP xuống<br>tỉnh để tham gia đánh<br>giá và giải ngân trong<br>năm 2026 |
| <b>I</b> | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai<br/>đoạn 2021-2025</b> | <b>64,69</b>          | -                 | -     |                                                                                                                               |
| 1        | Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)                                              | 64,69                 |                   | -     |                                                                                                                               |